

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VINH QUANG SINH HỌC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VINH QUANG SINH HỌC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108672487

3. Ngày thành lập: 29/03/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5B, ngõ 53 Vũ Xuân Thiều, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
2.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
3.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
4.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
5.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng, đạn, tem, vàng miếng và tiền kim khí)	4773
6.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
7.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
8.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
10.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
11.	Xuất bản phần mềm	5820
12.	Lập trình máy vi tính	6201
13.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
14.	Quảng cáo	7310
15.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
16.	Cho thuê xe có động cơ	7710
17.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
18.	Đại lý du lịch	7911

19.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
20.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
22.	Đào tạo sơ cấp	8531
23.	Đào tạo trung cấp	8532
24.	Đào tạo cao đẳng	8533
25.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
26.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
27.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
28.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
29.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dụng phẩm và dụng cụ y tế	4649
31.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy, và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn các loại máy công cụ, dụng cụ cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;	4659(Chính)
32.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
33.	Trồng cây hàng năm khác	0119
34.	Trồng cây ăn quả	0121
35.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
36.	Chăn nuôi gia cầm	0146
37.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161

38.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
39.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
40.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
41.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
42.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
43.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
44.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
45.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
46.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
47.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
48.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
49.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
50.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
51.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
52.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
54.	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom rác thải y tế	3812
55.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải y tế	3822
56.	Xây dựng nhà để ở	4101
57.	Xây dựng nhà không để ở	4102
58.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
59.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
60.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
61.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
62.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
63.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
64.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
65.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
66.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
67.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
68.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
69.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610

70.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
71.	Bán buôn thực phẩm	4632
72.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
73.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
74.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
75.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; - Bán buôn dầu khô; - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
76.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại; - Bán buôn sắt, thép; - Bán buôn kim loại khác (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
77.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
78.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
79.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ CÚC	Tổ 11, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.700.000	47.000.000.000	94,000	001172002837	
			Tổng số	4.700.000	47.000.000.000	94,000		

2	PHẠM QUANG VINH	Tổ 11, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	3,000	001092002480	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	3,000		
3	PHẠM QUỐC ANH	Tổ 11, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	3,000	024068000156	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	3,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ CÚC

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 02/12/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001172002837

Ngày cấp: 09/02/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 11, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 11, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội